

Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện

Lê Văn Cẩm*, Trịnh Tiến Việt

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 24 tháng 12 năm 2008

Tóm tắt. Bài viết đề cập đến việc xây dựng khái niệm và phân tích thực trạng của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về hệ thống hình phạt, chỉ rõ những chuẩn mực đánh giá thực trạng này. Qua đó, bài viết chỉ ra phương hướng hoàn thiện đối với các quy phạm tương ứng bằng việc đề xuất mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp dưới dạng các điều luật cụ thể. Ngoài ra, còn đưa ra các luận chứng của các căn cứ về xã hội, y học và pháp lý cho việc bắt đầu triển khai các nghiên cứu về tâm thần học với tư cách là một hướng nghiên cứu mới quan trọng và cần thiết của các chuyên ngành khoa học pháp lý về tư pháp hình sự (nói riêng) và khoa học pháp lý (nói chung) ở Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

1. Đặt vấn đề

1. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) và cải cách tư pháp (CCTP) ở Việt Nam đương đại, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập của nước ta với cộng đồng quốc tế hiện nay, thì việc nghiên cứu đánh giá thực trạng của các quy phạm pháp luật hình sự (PLHS) quốc gia hiện hành về hệ thống hình phạt (HTHP) để từ đó đề xuất các kiến giải lập pháp (KGLP) nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định này có ý nghĩa chính trị-xã hội to lớn và ý nghĩa khoa học-thực tiễn rất quan trọng trên bình diện dưới đây:

1.1. Một là, về mặt lập pháp, trong bất kỳ một NNPQ đích thực nào, nếu như các quy

định của PLHS (nói chung) nhằm bảo vệ một cách hữu hiệu các quyền và tự do của con người với tư cách là *những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại* tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, thì các quy định về HTHP (nói riêng) phải nhằm phục hồi lại công lý (sự công bằng xã hội), phòng ngừa riêng-phòng ngừa chung, đồng thời không được gây nên những đau đớn về thể xác và hạn thấp nhân phẩm con người; vì thực trạng các quy định của PLHS một quốc gia về hình phạt như thế nào sẽ chính là một trong *những tiêu chí cơ bản và quan trọng để đánh giá mức độ dân chủ và nhân đạo, pháp chế và nhân văn* trong quốc gia đó ra sao.

1.2. Hai là, về mặt lý luận, hiện nay trong khoa học Luật hình sự Việt Nam xung quanh

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: tskhlecam@yahoo.com

những vấn đề cần phải *đánh giá thực trạng của các quy định của Bộ Luật hình sự (BLHS) năm 1999 hiện hành về HTHP* ra sao và theo những chuẩn mực nào (như: khái niệm, nội dung và các mục đích của hình phạt trong PLHS quốc gia là gì, để hệ thống hình phạt đó được coi là khả thi thì cần phải có các tiêu chí gì và, hiệu quả của hình phạt được bảo đảm bởi các yếu tố nào, v.v...), cũng vẫn đang còn tồn tại nhiều ý kiến và cách hiểu khác nhau, mà vẫn chưa có một quan điểm chính thống.

1.3. Và cuối cùng, ba là, về mặt *thực tiễn*, hoạt động áp dụng PLHS (nói chung) và áp dụng hình phạt (nói riêng) của các Tòa án ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay *vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc* đòi hỏi các nhà khoa học-luật gia và các cán bộ thực tiễn trong lĩnh vực tư pháp hình sự (TPHS) đang công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật (BVPL) và Tòa án của nước ta cần phải tiếp tục cùng nhau nghiên cứu để lý giải và phân tích, luận chứng và đề xuất các ý kiến với nhà làm luật nhằm sớm khắc phục và loại trừ những bất cập-nhược điểm-hạn chế nhất định.

2. Như vậy, tất cả những điều đã được phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định ý nghĩa to lớn và quan trọng trên các bình diện đã nêu của việc nghiên cứu để *đánh giá các quy định của BLHS năm 1999 về HTHP để từ đó đề xuất các KGLP nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định này*, mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết của nhiệm vụ được đặt ra cho bài viết này - giải quyết về mặt lý luận thực trạng của hình phạt với tư cách là một trong *năm (05) chế định cơ bản, trung tâm, chủ yếu nhất* được thừa nhận chung của PLHS, bên cạnh các chế định: 1) đạo luật hình sự, 2) tội phạm, 3) trách nhiệm hình sự (TNHS) và 4) các biện pháp tha miễn.

3. Tuy nhiên, do *tính chất phức tạp, đa dạng và rộng lớn của những vấn đề về hệ thống hình phạt* nên trong phạm vi một bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành chúng tôi chỉ

có thể đề cập đến những vấn đề nào mà theo quan điểm của chúng tôi là *cơ bản và quan trọng hơn cả* theo hệ thống gồm 03 Mục nhỏ (§) như sau: 1) Một số vấn đề về những chuẩn mực đánh giá (CMĐG) thực trạng các quy định của PLHS về HTHP; 2) Thực trạng các quy định của PLHS Việt Nam hiện hành về HTHP và; 3) Về các KGLP để hoàn thiện các quy định của PLHS quốc gia về HTHP.

2. Nội dung vấn đề

§1. Một số vấn đề về những chuẩn mực đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về hệ thống hình phạt

1. *Khái niệm CMĐG thực trạng các quy định của PLHS về HTHP* là vấn đề chưa bao giờ được soạn thảo trong khoa học Luật hình sự của Việt Nam và của nước ngoài. Vì vậy, trước tiên chúng ta cần phải bàn về *khái niệm* đang nghiên cứu là gì (1) và sau đó, sẽ tiến hành phân tích là cần phải có những chuẩn mực nào để có thể đánh giá được thực trạng các quy định của PLHS về HTHP (2).

1.1. *Khái niệm CMĐG thực trạng các quy định của PLHS về HTHP và nội hàm của nó*. Khi bàn về vấn đề này chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học của khái niệm đang nghiên cứu như sau: CMĐG thực trạng các quy định của PLHS về HTHP là bộ phận cấu thành (BPCT) mà thông qua chúng (những CMĐG đó) góp phần giúp cho xã hội có thể nhận thấy được ở các mức độ khác nhau bản chất, nội dung và các mục đích của hình phạt, tính khả thi của HTHP và hiệu quả của hình phạt đạt được bởi các yếu tố bảo đảm (YTĐĐ) nào (nói riêng), cũng như hiệu lực của PLHS và khả năng đấu tranh phòng và chống tội phạm của toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự (nói chung) trong một quốc gia. Phân tích nội hàm của khái niệm này cho thấy, giá trị của những CMĐG để đánh giá thực trạng

các quy định của PLHS trong một quốc gia về HTHP là ở chỗ - nếu đối chiếu với tổng thể chúng (những CMDG đó) chúng ta có thể hiểu được ở một chừng mức nhất định ba (03) nhóm vấn đề lớn và quan trọng có liên quan đến HTHP như sau:

1) *Bản chất, nội dung và các mục đích của hình phạt* trong PLHS của một quốc gia như thế nào (Ví dụ: bản chất của hình phạt có vô nhân đạo hay không, nội dung của hình phạt có khắc nghiệt và mang nặng yếu tố trấn áp về hình sự hay không, và các mục đích của hình phạt có dã man-tàn bạo, gây nên những đau đớn về thể xác-hạ thấp nhân phẩm con người và nhằm trả thù người bị kết án vì tội phạm đã thực hiện hay không, v.v...);

2) *Tính khả thi của HTHP* ra sao, *hiệu quả của hình phạt* đạt được đến đâu và do các yếu tố nào bảo đảm (Ví dụ: các loại hình phạt được quy định trong PLHS thực định có đem lại kết quả thiết thực khi áp dụng đối với người bị kết án hay không, mức độ tái phạm tăng hay giảm-hệ lụy của việc cải tạo-giáo dục phạm nhân ra sao khi áp dụng loại hình phạt tương ứng nào đó, v.v...);

3) *Hiệu lực của PLHS* ra sao và *khả năng đấu tranh phòng-chống tội phạm của toàn bộ hệ thống TPHS* trong quốc gia đó như thế nào (Ví dụ: các quy định của PLHS về HTHP cùng với các quy định khác của PLHS khi áp dụng trong thực tiễn thể hiện hiệu lực thực tế ra sao, từ đó cho thấy khả năng của cả hệ thống TPHS của đất nước có đủ sức mạnh để đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả chống lại sự đe dọa của sự gia tăng của tình hình phạm tội trên toàn lãnh thổ quốc gia hay tình trạng phạm tội trên một địa phương nào đó như thế nào, có bảo vệ được một cách vững chắc các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như các lợi ích của Nhà nước và của xã hội tránh khỏi được sự xâm hại của tội phạm hay không, v.v...).

1.2. Phạm vi những CMDG thực trạng các quy định của PLHS về HTHP là vấn đề quan

trọng cần phải được xác định và do đó, để nhận thấy rõ được thực trạng các quy định của PLHS về HTHP chúng ta cần phải căn cứ vào năm (05) CMDG cơ bản sau: 1) *Khái niệm hình phạt* (chính thống) trong PLHS của quốc gia (tức là định nghĩa pháp lý (ĐNPL) của khái niệm hình phạt được nhà làm luật ghi nhận trong PLHS luật thực định) như thế nào; 2) *Nội dung* của hình phạt trong PLHS ra sao; 3) *Các mục đích* của hình phạt trong PLHS là gì; 4) Để cho HTHP được coi là khả thi thì cần phải có các tiêu chí gì và; 5) *Hiệu quả* của hình phạt trong PLHS được bảo đảm bởi các yếu tố nào. Tại các điểm 2 đến 6 dưới đây của Mục nhỏ (§1.) này chúng ta cần phải lần lượt liệt kê và phân tích từng CMDG này để thấy rõ giá trị của chúng đối với việc xác định thực trạng các quy định của PLHS về HTHP.

2. *Khái niệm hình phạt* với tư cách là CMDG thứ nhất các quy định của PLHS về HTHP thể hiện ở chỗ: Nó (khái niệm hình phạt) góp phần giúp chúng ta có thể nhận thấy được bản chất của hình phạt đã được ghi nhận trong PLHS thực định của một quốc gia. Chẳng hạn, theo BLHS Việt Nam năm 1999 (đoạn 1 Điều 26) khái niệm này được nhà làm luật nước ta định nghĩa "*là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ quyền hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội*".

3. *Nội dung của hình phạt* với tư cách là CMDG thứ hai các quy định của PLHS về HTHP thể hiện ở chỗ: Nó (nội dung của hình phạt) góp phần giúp chúng ta thể nhận thấy được Nhà nước xử sự đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm như thế nào - *sự lên án về mặt pháp lý hình sự của Nhà nước đối với người bị kết án và được phản ánh bằng sự trừng phạt đối với người đó vì đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm*.

4. *Các mục đích của hình phạt* với tư cách là CMDG thứ ba các quy định của PLHS về

HTHP thể hiện ở chỗ: Nó (khái niệm hình phạt) góp phần giúp chúng ta có thể nhận thấy được *cái mốc cuối cùng trong tương lai* của hình phạt đã được ghi nhận trong PLHS thực định của một quốc gia mà nhà làm luật mong muốn đạt được là gì (?). Chẳng hạn, theo BLHS Việt Nam năm 1999 (Điều 27) đó là: 1) Đối với “*người phạm tội*” - “*không chỉ nhằm trừng trị... mà còn giáo dục... ngăn ngừa họ phạm tội mới*” và; 2) Đối với những “*người khác*” - “*còn nhằm giáo dục, tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*”. Tuy nhiên, xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự và dưới góc độ xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) Việt Nam hiện nay, theo quan điểm của chúng tôi - “*trừng trị*” không phải là mục đích của hình phạt mà suy cho cùng chỉ là *bản chất chủ yếu, chức năng và là thuộc tính cơ bản nhất* của hình phạt, vì nếu như không có yếu tố trừng trị (mà chỉ có giáo dục đơn thuần) thì hình phạt nói riêng sẽ *mất đi nội dung* của nó - không cần thiết và do đó, Luật hình sự nói chung sẽ trở nên vô nghĩa. Chính vì vậy, theo chúng tôi, có thể chỉ ra bốn mục đích sau đây của hình phạt: 1) Góp phần *phục hồi lại công lý* - sự công bằng xã hội; 2) *Cải tạo và giáo dục* những người bị kết án, đồng thời ngăn ngừa họ phạm mới - *ngăn ngừa riêng*; 3) Góp phần giáo dục các thành viên khác trong xã hội ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật - *ngăn ngừa chung*; 4) Hỗ trợ cho cuộc *đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*.

5. Các tiêu chí của một HTHP khả thi với tư cách là CMĐG thứ tư các quy định của PLHS về HTHP thể hiện ở chỗ: Chúng (các tiêu chí này) góp phần giúp chúng ta có thể nhận thấy được *tính chất của danh mục các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất* mà trong những điều kiện như nhau khi hệ thống hình phạt đáp ứng được tổng hợp đầy đủ những tính chất đó thì sẽ góp phần đạt được hiệu quả cao của các hình phạt do Tòa án áp dụng đối với

người bị kết án. Do vậy, để một hệ thống hình phạt được coi là khả thi, theo quan điểm của chúng tôi cần phải có bốn (04) tiêu chí cơ bản sau đây: 1) HTHP trong *Phần chung* phải được xây dựng một cách *khoa học, cân đối và hợp lý* để làm cơ sở cho việc quy định một cách *chính xác các chế tài cụ thể* đối với các tội phạm tương ứng trong *Phần riêng* BLHS; 2) Việc quy định trình tự áp dụng của các loại hình phạt trong HTHP phải *tương ứng* (phù hợp) với sự phân chia các tội phạm thành các loại (nhóm) nhất định trong Phần chung BLHS; 3) Trong HTHP phải thể hiện rõ được *tính chất và mức độ nghiêm khắc khác nhau* của các loại hình phạt tương ứng với *tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của các loại (nhóm) tội phạm* được quy định trong BLHS và; 4) Trong HTHP phải quy định một cách *cụ thể, rõ ràng và chính xác trình tự, các căn cứ và những điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt* (nói chung), cũng như *các giới hạn tối thiểu và tối đa* của các loại hình phạt có thời hạn (nói riêng).

6. Các yếu tố bảo đảm hiệu quả của hình phạt với tư cách là CMĐG thứ năm (và là cuối cùng) các quy định của PLHS về HTHP thể hiện ở chỗ: Chúng (các yếu tố bảo đảm (YTBD) này) góp phần giúp chúng ta có thể nhận thấy được *kết quả tích cực đạt được do các mục đích của hình phạt được thực hiện trên cơ sở tiết kiệm tối đa yếu tố trấn áp về hình sự khi quyết định hình phạt và thi hành hình phạt trong thực tiễn*. Do vậy, hiệu quả của hình phạt chỉ có thể đạt được khi có sự tác động đến một cách tích cực và đồng bộ của tám (08) YTBD chính sau đây: 1) Phải *tuân thủ nghiêm chỉnh* các nguyên tắc tiến bộ của Luật hình sự nói chung, cũng như các căn cứ quyết định hình phạt nói riêng, đặc biệt là phải đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc *không tránh khỏi trách nhiệm hình sự (TNHS)* - phát hiện kịp thời và nhanh chóng các tội phạm để xử lý chúng; 2) Phải đảm bảo được *tính ổn định cao của hệ*

thống PLHS, cũng như thực tiễn áp dụng PLHS nói chung và thực tiễn xét xử nói riêng; 3) Các bản án kết tội đối với những người bị kết án phải có *ba điều kiện cơ bản* để đạt được các mục đích của hình phạt - *công minh, có căn cứ và đúng pháp luật*; 4) Quá trình tội phạm hóa các hành vi nguy hiểm cho xã hội, cũng như quá trình hình sự hóa nói chung (và hình phạt hóa nói riêng) phải *phù hợp* với các quy luật khách quan của sự phát triển xã hội trong giai đoạn nhất định tương ứng (về kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống, v.v...); 5) Phải xác định đúng *tiêu chí đánh giá hiệu quả* của hình phạt - *mức độ tái phạm* (Ví dụ: nếu tình hình tội phạm trong từng thời kỳ hay tình trạng phạm tội trong toàn quốc cho thấy tỷ lệ tái phạm tăng lên hoặc không giảm xuống - hiệu quả phạt thấp và ngược lại, nếu tỷ lệ tái phạm giảm xuống - hiệu quả của hình phạt cao); 6) Phải bảo đảm tốt *quá trình thi hành hình phạt* - đưa các bản án và các quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án vào đời sống hiện thực, tức là phải làm cho chúng được thi hành một cách nghiêm chỉnh bởi tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, những người có chức vụ và các công dân hữu quan; 7) Phải thường xuyên *nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ*, kiến thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của các cán bộ Tòa án và các cán bộ Tư pháp; 8) Và cuối cùng, phải không ngừng tăng cường công tác giáo dục *ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật* đối với những người đã chấp hành hình phạt xong (nói riêng) và tất cả các thành viên trong xã hội (nói chung).

§2. Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về hệ thống hình phạt

1. Phương pháp tiếp cận vấn đề. Để có thể đánh giá được chính xác thực trạng các quy định của BLHS Việt Nam về HTHP hiện nay

thì tại các điểm từ 2-3 dưới đây chúng ta cần phải lần lượt làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề cần nghiên cứu trong Mục nhỏ (§2) này theo hệ thống như sau: 1) *Khái niệm* thực trạng các quy định của PLHS về HTHP và; 2) *Đánh giá* thực trạng các quy định của BLHS Việt Nam về HTHP.

2. Khái niệm thực trạng các quy định của PLHS về HTHP mặc dù chưa được soạn thảo về mặt lý luận trong khoa học luật hình sự nhưng thông qua việc nghiên cứu các quy định này và thực tiễn áp dụng chúng có thể được hiểu là *tổng thể các quy phạm pháp luật được nhà làm luật ghi nhận trong PLHS (thực định) với tư cách là căn cứ pháp lý để Tòa án áp dụng trong thực tiễn đối với những người bị kết án trên cơ sở bản án kết tội có hiệu lực pháp luật mà việc phân tích các quy phạm này cho thấy những ưu điểm và những ưu điểm và nhược điểm-hạn chế nhất định trên các bình diện khác nhau.*

3. Đánh giá thực trạng các quy định của PLHS quốc gia hiện hành về HTHP. Trên cơ sở khái niệm đã được nêu trên và nghiên cứu thực tiễn xét xử về việc áp dụng các loại hình phạt trong thời gian qua, chúng ta có thể đưa ra *sự đánh giá* sau đây đối với thực trạng các quy phạm PLHS quốc gia hiện hành (tức BLHS năm 1999) về HTHP để có thể nhận thấy rõ được những ưu điểm và nhược điểm-hạn chế nhất định trên các bình diện khác nhau của HTHP trong PLHS nước nhà mà từ đó đưa ra các KGPL cho nhà làm luật để góp phần khắc phục những bất cập và nhược điểm-hạn chế đã được chỉ ra nhằm hoàn thiện các quy định tương ứng:

3.1. *Thứ nhất*, HTHP theo BLHS Việt Nam năm 1999 được nhà làm luật điều chỉnh tại Chương V độc lập "*Hình phạt*" với 15 điều luật (các Điều 26 - 40) bằng các quy phạm riêng biệt mà trong đó:1) giúp cho xã hội hiểu rõ được *bản chất* của hình phạt trong PLHS

quốc gia vì *lân đầu tiên* (kể từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay) đã chính thức ghi nhận ĐNPL của khái niệm hình phạt (đoạn 1 Điều 26) và; 2) đồng thời chỉ rõ mục đích của hình phạt là gì (Điều 27).

3.2. Thứ hai, HTHP theo BLHS Việt Nam năm 1999 quy định *chặt chẽ và chính xác với những điều kiện áp dụng cụ thể 14 loại hình phạt* có tính chất bắt buộc đối với các Tòa án là: 1) Cảnh cáo; 2) Cải tạo không giam giữ (từ 6 tháng đến 2 năm); 3) Tù có thời hạn (từ 3 tháng đến 20 năm); 4) Tù chung thân; 5) Tử hình; 6) Cấm đảm nhiệm những chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (từ 2 năm đến 5 năm); 7) Cấm cư trú (từ 1 năm đến 5 năm); 8) Quản chế (từ 1 năm đến 5 năm); 9) Tước một số quyền công dân (từ 1 năm đến 5 năm); 10) Tịch thu tài sản; 11) Phạt tiền và; 12) Trục xuất.

3.3. Thứ ba, trong HTHP theo BLHS năm 1999 thì: 1) năm loại hình phạt đầu tiên nêu trên (1-5) là các hình phạt *chính*; 2) năm loại hình phạt tiếp theo (6-10) là các hình phạt *bổ sung*; 3) hai loại hình phạt cuối cùng nêu trên (11-12) là hình phạt có thể tùy từng trường hợp cụ thể tương ứng mà được áp dụng với tính chất là hình phạt *chính chính* hoặc là hình phạt *bổ sung*; 4) đối với người bị kết án là người chưa thành niên - nhà làm luật quy định là Tòa án chỉ được phép áp dụng ba loại hình phạt chính ít nghiêm khắc đầu tiên nêu trên (1-3), mà không được phép áp dụng hai loại hình phạt chính cuối cùng nghiêm khắc hơn cả nêu trên (4-5) và *tất cả các loại hình phạt bổ sung*.

3.4. Thứ tư, trong HTHP theo BLHS năm 1999 (khác với theo BLHS năm 1985 trước đây) có *một loại hình phạt* được quy định với tính chất là hình phạt *chính* hoặc là hình phạt *bổ sung* và chỉ để áp dụng riêng đối với người nước ngoài phạm tội - trục xuất.

3.5. Thứ năm, trong HTHP theo BLHS năm 1999 (cũng như theo BLHS năm 1985 trước

đây) ngoài HTHP nhà làm luật Việt Nam còn quy định một hệ thống *các biện pháp cưỡng chế (BPCC) về hình sự khác ít nghiêm khắc hơn hình phạt* tại: 1) Chương VI độc lập - năm biện pháp tư pháp (chung) đối với người phạm tội *đã thành niên* (từ Điều 41 đến Điều 44) mà tùy từng trường hợp tương ứng cụ thể Tòa án có thể áp dụng *độc lập* (hoặc *cùng với* hình phạt) và; 2) Điều 70 - hai biện pháp tư pháp (riêng) có tính chất giáo dục phòng ngừa đối với người phạm tội *chưa thành niên* mà tùy từng trường hợp tương ứng cụ thể Tòa án có thể áp dụng *độc lập* (hoặc *cùng với* hình phạt).

3.6. Thứ sáu, trong HTHP theo BLHS năm 1999 (cũng như theo BLHS năm 1985 trước đây) nhà làm luật Việt Nam có điều chỉnh cụ thể *căn cứ và những điều kiện cụ thể của việc áp dụng đối với từng loại hình phạt*.

3.7. Thứ bảy, tuy nhiên, nếu đối chiếu với những CMĐG đã được phân tích trên đây thì các quy định của BLHS Việt Nam về HTHP vẫn còn bộc lộ một loạt *những bất cập và nhược điểm-hạn chế* trên các bình diện khác nhau (chưa chính xác về mặt khoa học, thiếu chặt chẽ về logic pháp lý, chưa đạt về mặt kỹ thuật lập pháp) cần phải được khắc phục:

1) *Nội dung* của hình phạt rất tiếc là *vẫn chưa được chính thức ghi nhận về mặt lập pháp* bằng một quy phạm riêng biệt nào đó trong Phần chung BLHS Việt Nam (mặc dù nó có giá trị giúp chúng ta có thể nhận thấy được thuộc tính cơ bản của hình phạt chính là *sự lên án* về mặt pháp lý hình sự của Nhà nước đối với người bị kết án và được phản ánh bằng sự trừng phạt đối với người đó vì đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm.

2) *Các mục đích* của hình phạt góp phần giúp chúng ta có thể nhận thấy được *cái mốc cuối cùng trong tương lai* của hình phạt đã được ghi nhận trong PLHS quốc gia mà nhà làm luật mong muốn đạt được là gì (?), nhưng rất tiếc là tại Điều 17 BLHS Việt Nam thì:

a) Việc sử dụng thuật ngữ “trừng trị” là chưa đạt lắm vì các lý do sau: ●) Như đã phân tích ở trên (xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự và dưới góc độ xây dựng NNQP Việt Nam hiện nay, “trừng trị” không phải là mục đích của hình phạt mà suy cho cùng chỉ là bản chất chủ yếu, chức năng và là thuộc tính cơ bản nhất của hình phạt); ●) Khi quy định hình phạt trong BLHS Việt Nam chắc chắn 100% là nhà làm luật không bao giờ lấy mục đích “nhằm trừng trị” làm chính; ●) Mặt khác, hình phạt phải nhằm đạt được một mục đích quan trọng nữa (mà trong quy phạm tại Điều 27 vẫn còn thiếu - chưa ghi nhận) là góp phần phục hồi lại công lý - sự công bằng xã hội. Do vậy, theo chúng tôi, có thể chỉ rõ bốn (04) mục đích của hình phạt (như đã nêu ở trên).

b) Việc sử dụng thuật ngữ “người phạm tội” cũng chưa đạt lắm vì các lý do sau: ●) nếu như người này tuy có thực hiện hành vi phạm tội nhưng được miễn TNHS (kể cả trước hoặc thậm chí sau khi bị xét xử) thì đều không thể bị áp dụng hình phạt mà; ●) trên thực tế chỉ có “người bị kết án” - người đã bị Tòa án xét xử và tuyên bản án kết tội có hiệu lực pháp luật - mới bị áp dụng hình phạt (nếu không được miễn); do vậy, nhược điểm này phải nhanh chóng được khắc phục ngay.

c) Về hình phạt tử hình. Đây là hình phạt đặc biệt, nghiêm khắc nhất và vô nhân đạo nhất mà lẽ ra cần phải bị loại trừ khỏi HTHP của BLHS Việt Nam (hoặc nếu không thì cũng chỉ trong vài năm tới) vì hiện tại nó vẫn còn được quy định trong nhiều cấu thành tội phạm (CTTP). Tuy nhiên, nếu trong giai đoạn hiện nay nhà làm luật nhận thấy vẫn cần thiết phải giữ lại hình phạt này, thì nên chăng cần phải quy định sao cho phải bảo đảm tính khái quát, tính khoa học, kỹ thuật lập pháp cao và theo hướng nhân đạo hóa PLHS quốc gia (cho phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập của Việt Nam với cộng đồng quốc tế),

tức là phải bổ sung vào điều luật về tư hình trong Phần chung BLHS hai quy phạm mới là: a) Không áp dụng đối với ba (03) loại người bị kết án - phụ nữ, người chưa thành niên, nam giới trên 70 tuổi; b) Chỉ quy định tử hình đối với năm (05) nhóm tội đặc biệt nghiêm trọng - các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm tính mạng con người, các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tính mạng con người, các tội đặc biệt nghiêm trọng về tham nhũng, các tội đặc biệt nghiêm trọng về ma túy, các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm hòa bình-an ninh của nhân loại. Còn việc sửa đổi-bổ sung theo kiểu liệt kê và đề nghị bỏ hình phạt tử hình tại 17/29 CTTP như trong Tờ trình tóm tắt ngày 20/10/2008 của Chính phủ “Về án Luật sửa đổi-bổ sung một số điều của BLHS năm 1999” rõ ràng là chưa bảo đảm tính khái quát, tính khoa học và kỹ thuật lập pháp cao (vì cách làm này mang đầy tính chấp vá).

d) Về hình phạt tiền. Nếu xét theo thứ tự từ nhẹ đến nặng của các loại hình phạt trong hệ thống hình phạt của PLHS nước ta, thì phạt tiền chỉ đứng ở vị trí thứ thứ hai - chỉ nặng hơn cảnh cáo, nhưng lại nhẹ hơn cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn; vậy mà đối với 02 loại hình phạt sau thì BLHS có quy định việc trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành 02 loại hình phạt này (mặc dù chúng nặng hơn phạt tiền), trong khi đó đối với phạt tiền thì lại không quy định việc trừ thời gian như vậy (nhất là khi trong thực tiễn xét xử cho thấy: có người phạm tội đã bị tạm giam và rồi cuối cùng hình phạt chính duy nhất được áp dụng chỉ là phạt tiền thì sao?). Chính vì thế, để đảm bảo nguyên tắc công minh (công bằng) của PLHS trong giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam, rõ ràng là nhà làm luật Việt Nam cần quy định việc khấu trừ thời gian tạm giam (theo tỷ lệ bao nhiêu % là hợp lý thì tùy nhà làm luật quyết định) đối với cả hình phạt tiền nữa (nhất là khi nó được áp dụng với tính chất là hình phạt chính).

3.8. Và cuối cùng, *thứ tám*, nếu đối chiếu với 02 CMĐG thứ 4 và thứ 5 (đã được phân tích trên đây) thì những bất cập và nhược điểm-hạn chế trong các quy định của BLHS Việt Nam về HTHP (được chỉ ra tại tiết 3.7. điểm 3 này) ở các mức độ khác nhau khó mà có thể bảo đảm cho tính khả thi và đạt được hiệu quả cao của hình phạt được áp dụng. “Nguyên nhân chủ yếu của những bất cập và nhược điểm-hạn chế trong BLHS năm 1999 nói chung trước hết nằm trong tính phi thực tiễn của các quan chức phòng giấy khi soạn thảo BLHS năm 1999 (vì nếu chỉ ngồi trong bốn bức tường của cơ quan để đọc sách, nghiên cứu rồi đề xuất với cấp trên mà chưa hề trải qua một ngày nào trực tiếp làm công tác áp dụng PLHS ở các cơ quan thực tiễn điều tra, truy tố hoặc xét xử thì khó mà có thể ghi nhận được chính xác nội dung được quy định sao cho phù hợp với tên gọi của từng điều luật vì để có được kiến thức chuyên môn sâu-rộng và trình độ tổng hợp-khái quát cao về kỹ thuật lập pháp trong lĩnh vực TPHS, thì nhất thiết có hiểu biết về thực tiễn)”. Đây chính là điều mà ngay từ giữa những năm 80 của thế kỷ trước (khi còn công tác ở Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC) - cơ quan thực tiễn xét xử cao nhất của nước ta) tác giả của bài báo khoa học này đã nhất trí với ý kiến nhận xét xác đáng này của nhà thực tiễn TPHS hàng đầu của đất nước, Trưởng ban soạn thảo BLHS Việt Nam năm 1985, nguyên Chánh án TANDTC nhiệm kỳ 1997-2002 - người Anh Cả của giới luật học nói chung và giới TPHS nói riêng ở Việt Nam, cố TS Trịnh Hồng Dương.

§3. Về các kiến giải lập pháp để hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự quốc gia về hệ thống hình phạt

1. Chúng tôi hoàn toàn đồng nhất với quan điểm nêu tại đoạn 5 điểm 2 Phần I trong Báo cáo thẩm tra số 1838/BC-UBTP 12

ngày 14/10/2008 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội khóa XII “Về Dự án sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS” là “... phải sửa đổi toàn diện thì mới hoàn thiện được cơ bản các vấn đề trên...”. Chính vì lẽ đó, ngay từ năm 2005 chúng tôi đã xây dựng mô hình lý luận (MHLL) về các KGLP để hoàn thiện các quy định của Phần chung BLHS năm 1999 với cơ cấu từ 10 chương với 77 điều cũ hiện nay sẽ tăng lên đến 5 phần gồm 21 chương với 125 điều (đó là chưa cộng cả 02 phần gồm 04 chương với 20 điều nữa - Phần thứ tư “Về quyết định hình phạt” gồm 03 chương với 10 điều và Phần thứ năm “Về các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội” gồm 01 Chương với 10 điều); trong số 125 điều theo MHLL mà chúng tôi đưa ra thì có: 66 điều mới hoàn toàn, 27 điều sửa đổi-bổ sung và 32 điều giữ nguyên [1].

2. Tuy nhiên, vì phạm vi bài báo khoa học đăng trên tạp chí chỉ có thể đề cập đến việc hoàn thiện các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về hệ thống hình phạt (chứ không phải tất cả các quy phạm của Phần chung BLHS) nên MHLL về các KGLP của chúng tôi đưa ra đối với các quy định tương ứng trong bài này là:

Phần thứ ba

Về trách nhiệm hình sự, hình phạt và biện pháp tư pháp

Chương XI

Trách nhiệm hình sự (mới)

.....

Chương XII

Hình phạt

(Các Điều 56-70 của mô hình lý luận)

Chương này sẽ bao gồm 15 điều (từ Điều 56 đến Điều 70) mà về cơ bản vẫn được giữ nguyên và tương ứng với 15 điều (từ Điều 26 đến Điều 40) trong Chương V BLHS năm

1999 hiện hành. Riêng chỉ có bốn điều sửa đổi-bổ sung sẽ có nội dung là:

Điều 56. Khái niệm hình phạt (sau khi đã sửa đổi-bổ sung Điều 26 BLHS năm 1999)

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được áp dụng trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo các quy định của Bộ luật này để tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do của người bị kết án⁽¹⁾.

Điều 57. Nội dung và các mục đích của hình phạt (sau khi đã sửa đổi-bổ sung Điều 27 BLHS năm 1999)

1. Nội dung của hình phạt là sự lên án về mặt pháp lý hình sự của Nhà nước đối với người bị kết án và được phản ánh bằng sự trừng phạt đối với người đó vì đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm (mới).

2. Các mục đích của hình phạt là:

- a) Góp phần phục hồi lại công lý;
- b) Cải tạo, giáo dục những người bị kết án và ngăn ngừa họ phạm mới;
- c) Ngăn ngừa các thành viên khác trong xã hội phạm tội, giáo dục họ ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật;
- d) Hỗ trợ cho cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

3. Việc áp dụng hình phạt không được nhằm mục đích gây nên những đau đớn về thể xác hoặc hạ thấp nhân phẩm của con người (mới).

.....

Điều 60. Phạt tiền (sau khi đã sửa đổi-bổ sung Điều 30 BLHS năm 1999)

1. (Có thể giữ nguyên như nội dung khoản 1 Điều 30 BLHS năm 1999).

2. (Có thể giữ nguyên như nội dung khoản 2 Điều 30 BLHS năm 1999).

⁽¹⁾ Trong MHLL này các chữ viết đúng là giữ nguyên như nội dung của BLHS năm 1999 hiện hành, còn các chữ *viết nghiêng* là nội dung của các KGLP mà chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung.

3. (Có thể giữ nguyên như nội dung khoản 3 Điều 30 BLHS năm 1999).

4. Nếu người bị kết án đã bị tạm giam mà hình phạt chính được áp dụng đối với người này là phạt tiền, thì thời gian tạm giam được trừ vào mức tiền bị phạt. Cứ một ngày tạm giam bằng ___% tổng số mức tiền bị phạt (mới).

.....

Điều 65. Tử hình (sau khi đã sửa đổi-bổ sung Điều 35 BLHS năm 1999)

1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ có thể được quy định đối với các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm tính mạng của con người, các tội đặc biệt nghiêm trọng về ma túy, các tội đặc biệt nghiêm trọng về tham nhũng, cũng như các tội xâm phạm hòa bình và an ninh của nhân loại.

2. Không được áp dụng hình phạt tử hình đối với người bị kết án là phụ nữ, người chưa thành niên hoặc nam giới trên 70 tuổi.

3. (Có thể giữ nguyên như nội dung đoạn 3 Điều 35 BLHS năm 1999).

.....

Chương XIII

Biện pháp tư pháp

(Các Điều 71-75 của mô hình lý luận)

Chương này sẽ bao gồm 5 điều (từ Điều 71 đến Điều 75) trong đó chỉ có điều đầu tiên (Điều 71) mới được bổ sung dưới đây, còn 4 điều khác sẽ vẫn được giữ nguyên và tương ứng với 4 điều (từ Điều 41 đến Điều 44) trong Chương VI BLHS năm 1999 hiện hành.

Điều 71. Khái niệm biện pháp tư pháp (mới)

1. Biện pháp tư pháp là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt được quy định trong Bộ luật này và do cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể áp dụng đối với người phạm tội nhằm hạn chế quyền,

tự do của người đó hoặc hỗ trợ hay thay thế cho hình phạt.

2. Ngoài các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều ____ (tức Điều 70 BLHS năm 1999), các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều này bao gồm:

a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;

b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;

c) Bắt buộc chữa bệnh“.

.....”.

3. Kết luận vấn đề

Từ việc nghiên cứu để đánh giá các quy định của PLHS Việt Nam hiện hành (mà cụ thể là BLHS năm 1999) về HTHP để đề xuất các KGLP nhằm hoàn thiện các quy phạm này cho phép đi đến những kết luận như sau:

1. Một là, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới hiện nay, khi ghi nhận các quy định của PLHS quốc gia về HTHP chúng ta cần phải hướng tới các mục đích và giá trị xã hội cao cả của nền văn minh nhân loại là phục hồi lại công lý (sự công bằng xã hội) đã bị tội phạm xâm hại, cải tạo-giáo dục những người bị kết án để sớm trả họ trở về với cuộc sống lương thiện (*phòng ngừa riêng*), giáo dục các thành viên khác trong xã hội ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy tắc xử sự chung của cộng đồng (*phòng ngừa chung*), góp phần khẳng định các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung của NN PQ với phương châm của xã hội dân sự là “*hãy làm tất cả để bảo vệ cuộc sống tươi đẹp của con người*”.

2. Hai là, khi quy định các loại hình phạt khác nhau, thì bên cạnh việc cố gắng loại trừ các yếu tố trấn áp về hình sự ra, để tạo những điều kiện thuận lợi cho thực tiễn áp dụng của

Tòa án, nhà làm luật Việt Nam cũng cần phải quan tâm để kịp thời ghi nhận trong luật hình sự (nói riêng) và có lẽ là trong tất cả các ngành luật phi hình sự nữa (nói chung) định hướng bảo vệ vững chắc các quyền và tự do của công dân tránh khỏi sự xâm hại do các hành vi (xử sự) vi phạm pháp luật (trong đó có tội phạm) của những người có các đặc điểm xấu về nhân thân (đặc biệt là người có tính cách “bệnh hoạn” do căn bệnh rối loạn đa nhân cách nói riêng và các bệnh lý tâm thần nói chung) gây nên dưới các hình thức (và với những thủ đoạn xảo quyệt khác nhau) làm thiệt hại cho các lợi ích của đa số tập thể-cộng đồng. Thiết nghĩ, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập của nước ta với cộng đồng quốc tế hiện nay lĩnh vực *tâm thần học* cần được triển khai thành *một hướng nghiên cứu mới và chuyên sâu* trong KHPL nói chung (đặc biệt là trong TPHS nói riêng) của Việt Nam vì ba lý do xác đáng trên các bình diện xã hội (1), y học (2) và pháp lý (3) sau đây:

2.1. Lần đầu tiên được bác sĩ tâm thần người Pháp tên là *Pierre Janet* mô tả vào thế kỷ XIX, căn bệnh MPD (Multi Personality Disorder- dịch ra tiếng Việt là “rối loạn đa nhân cách”) hiện nay đang là một *thực trạng diễn ra khá phổ biến* trong đời sống xã hội (đặc biệt là trong giới trí thức) [2].

2.2. Căn bệnh MPD đã được thế giới nghiên cứu từ lâu như: 1) Tại Liên Xô cũ - ngay từ những năm 80 của thế kỷ trước trong cuốn “*Tâm thần học*” (NXB Hòa Bình, Mátxcova - NXB Y học, Hà Nội, 1980) có đến ba Chương (V, XVI và XIX) do GS. *Kerbicôp O.V.* viết đã phân tích rất kỹ về các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý của căn bệnh này [3]; 2) Tại Pháp - *nhân cách bệnh hoạn* của người phạm tội đã được GS *N.H.Barte* và BS *G.Ostaptzeff* nghiên cứu-theo dõi lâm sàng ở Viện nghiên cứu tâm thần Quốc gia đến hơn 30 năm và đề cập kỹ trong cuốn “*Tội phạm học lâm sàng*” (NXB Masson, Pari, 1996 -

NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004) [4]; 3) Tại các nước như Achentina, Úc, Canada, Ixraen, Niudilân, v.v... - có rất nhiều nghiên cứu khác nhau của các bác sĩ nổi tiếng đã cho thấy, “Rối loạn đa nhân cách (MPD) hay còn được biết như một dạng rối loạn cá tính tách biệt, là một chủ đề gây nhiều tranh cãi trong giới tâm thần học”, trong tổng số những người bị bệnh tâm thần thì có đến 5-15% “con bệnh” bị nhiễm MPD và “số người mắc MPD chiếm tới 1% dân số của mỗi một nước” nên đã thành lập nhiều cơ sở chữa trị và xuất bản nhiều sách báo về vấn đề này [5]; 4) Tại Mỹ - số người mắc chứng bệnh MPD liên tục tăng trong những năm gần đây và hiện có khoảng 20.000 người có biểu hiện mắc chứng bệnh này, trong cuốn “Giáo khoa chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần Mỹ” các nhà y học đã nêu lên 4 tiêu chuẩn để chuẩn đoán chứng bệnh MPD (như: có 2 hoặc nhiều hơn các nhân cách riêng biệt, có tối thiểu 2 biểu hiện của nhân cách từng thay nhau kiểm soát con người, v.v... [6].

2.3. Vì tính phổ biến và nguy hiểm, lan tỏa rộng khắp và ngày càng nhiễm sâu vào tính cách con người như một “nạn dịch hạch” nên Tổ chức y tế thế giới (WHO) đã phân loại MPD như một căn bệnh quốc tế và Phần “Các rối loạn tâm thần và rối loạn hành vi” (Phần F) trong Tập phân loại bệnh quốc tế (biên soạn lần thứ 10) đã phân chia một cách chi tiết và cụ thể “đến 100 mục, bao gồm hơn 300 rối loạn tâm thần và hành vi”, riêng Mục F60 “Các rối loạn nhân cách đặc hiệu” đã được phân chia thành 09 dạng mà đáng chú ý là 04 dạng đầu tiên với các mã số như: 1) F60.0 (Rối loạn nhân cách paranoid); 2) F60.1 (Rối loạn nhân cách dạng phân liệt); 3) F60.2 (Rối loạn nhân cách chống xã hội), F60.4 (Rối loạn nhân cách kịch tính) và; 4) F60.5 (Rối loạn nhân cách ám ảnh nghi thức) [7].

3. Và cuối cùng, ba là, hiện nay việc đánh giá thực trạng của các quy phạm PLHS hiện

hành về HTHP ra sao và cần phải đi theo những CMDG nào - rõ ràng vẫn đang còn là một “khoảng trống” trong khoa học Luật hình sự Việt Nam đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống, sâu sắc và cụ thể hơn nữa bởi các luật gia-các nhà hình sự học, cũng như các cán bộ thực tiễn của các cơ quan BVPL và Tòa án của nước ta nhằm đưa ra các KGLP có căn cứ khoa học-thực tiễn xác đáng, bảo đảm sức thuyết phục và khả thi để hoàn thiện chúng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề lý luận cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [2] Phùng Nguyên, Chuyện ghi ở Bệnh viện Tâm thần. - Báo “Tiên phong”, số 87 ngày 27/3/2008 (Kỳ I), số 88 ngày 28/3/2008 (Kỳ II) và số 89 ngày 29/3/2008 (Kỳ III); GS Cao Xuân Hạo, Chứng “vĩ cuồng”: Hiện tượng và căn nguyên. - *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 200, tháng 10/2007, tr.47, số 200, tháng 10/2007, tr.47; Lê Cẩm, Nhận diện nguyên nhân và điều kiện tạo nên tính cách “bệnh hoạn” của người vi phạm pháp luật, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 11 (2008) 26, v.v...
- [3] O.V. Kerbicôp, M.V. Kôrkina, R.A. Nadgiarôp, A.V. Xhegiônhevski, *Tâm thần học*, (BS Phạm Văn Đoàn và BS Nguyễn Văn Siêm dịch từ tiếng Nga, BS Đặng Đình Huân-Chủ tịch Hội thần kinh, Tâm thần và Phẫu thuật thần kinh Việt Nam hiệu đính), NXB Hòa bình và NXB Y học, Hà Nội, 1980.
- [4] N.H. Barte, G.Ostaptzeff, *Tội phạm học lâm sàng*, NXB Masson, Pari, 1996; NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004. (Người dịch từ tiếng Pháp: Nguyễn Văn Sự; Người hiệu đính: GS. BS Đặng Phương Kiệt).
- [5] Sidney Sheldon, *Hãy kể giấc mơ của em* (Người dịch từ tiếng Anh: Trần Hoàng Cương), NXB Văn học, Hà Nội, 1999.
- [6] [Http://www.vietbao.vn/Suckhoe/Roi-loan-da-nhan-cach-mot-loai-benh-tam-than-dac-biet](http://www.vietbao.vn/Suckhoe/Roi-loan-da-nhan-cach-mot-loai-benh-tam-than-dac-biet).
- [7] Viện Súc khỏe tâm thần - Bệnh viện Tâm thần Trung ương, The ICD-10, Classification of

Mental and Behavioural Disorders, *Phân loại các bệnh tâm thần*, Tổ chức y tế thế giới World Health Organization, (Những người dịch từ tiếng Anh: Trần Di Ái, Trần Bình An, Lã Thị

Bưởi, Nguyễn Thị Khánh Hội, Nguyễn Việt Thiêm và Nguyễn Việt; Người hiệu đính: GS Nguyễn Việt), Geneva, 1992.

Reality of legal Criminal Law of Vietnam on penalty system and the completion

Le Van Cam, Trinh Tien Viet

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Post refers to the construction of concepts and analyzes the situation of legal criminal law of Vietnam current on of penalties specifies standards assessment such situation. Thereby, this writing points out derrection of completing these articles by proposing theoretical model of the resolution in the legislature as a specific law. In addition, there would be demonstration of basis social, medical and legal to begin implementing the research on mental learning as a new research which meet important needs of the specialized science of legal criminal justice (in particular) and legal science (in general) in Vietnam in the trend of internationla integrantion.